UBND XÃ: AN DŨNG **Biểu số 110/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2021

(Tổng hợp theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó	
			ĐTPT	TX
	TỔNG CHI	**7.812.932**	**884.500**	**6.928.432**
1	Chi các hoạt động kinh tế	50.000		50.000
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	**20.000**		**20.000**
-	Chi sự nghiệp giáo dục	20.000		20.000
-	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	0		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	130.444		130.444
4	Chi khoa học và công nghệ	0		
5	Chi quốc phòng	801.227		801.227
6	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	146.220		146.220
7	Chi VHTT, TDTT và phát thanh, truyền hình, thông tấn	64.304		**64.304**
-	Chi sự nghiệp văn hóa	24.304		24.304
-	Chi thể dục thể thao	40.000		40.000
8	Chi bảo vệ môi trường	0		
9	Chi đảm bảo xã hội	1.097.251		1.097.251
10	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	4.385.986		4.385.986
11	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định	98.000		98000
12	Chi khác ngân sách	0		
13	Dự phòng ngân sách	135.000		135000
14	**Chi đầu tư XDCB**	884.500	**884.500**	

An Dũng, ngày 25 tháng 02 năm 2021

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Kiều Oanh

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Bảy

UBND XÃ AN DŨNG

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	**10.610.231**	**7.812.931**
I	**Các khoản thu 100%**	**469.190**	**469.190**
	Phí, lệ phí	*100.000*	*100.000*
	Thu khác	*258.690*	*258.690*
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi	*110.000*	*110.000*
	Thu thuế sự dụng đất PNN	*500*	*500*
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	***4.221.000***	**1.423.700**
1	Các khoản thu phân chia	***50.000***	**50.000**
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	*50.000*	*50.000*
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	***4.171.000***	**1.373.700**
	Thu cấp quyền sử dụng đất	*1.815.000*	*884.500*
	Thuế tài nguyên	*470.000*	*94.000*
	Thuế GTGT hộ cá thể	*36.000*	*25.200*
	Thuế GTGT tổ chức DN	*1.850.000*	*370.000*
	Thu tiền thuê đất		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	***5.920.041***	**5.920.041**
	- Thu bổ sung cân đối	*5.920.041*	5.920.041
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Bảy

UBND XÃ ĐỨC AN **Biểu số 108/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**7.812.931**	**TỔNG SỐ CHI**	**7.812.932**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	469.190	I. Chi đầu tư phát triển	884.500
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	1.423.700	II. Chi thường xuyên	6.793.432
III. Thu bổ sung	**5.920.041**	III. Dự phòng	135.000
- Bổ sung cân đối	5.920.041		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu kết dư			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Bùi Thị Bảy

UBND XÃ ĐỨC AN **Biểu số 107/CK TC-NSNN**

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	133.477	133.477	-	133.477	133.477	
- Qũy đền ơn đáp nghĩa	48.697	48.697		48.697	48.697	
- Qũy Thiên Tai	48.697	48.697		48.697	48.697	
- Qũy trẻ thơ	36.084	36.084		36.084	36.084	
+						
+ ...						
...						

NGƯỜI LẬP **CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kiều Oanh

Bùi Thị Bảy

TỈNH HÀ TĨNH
HUYỆN ĐỨC THỌ
XÃ AN DŨNG

Mẫu biểu số 04

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Nguồn cân đối ngân sách	Tổng số
TỔNG SỐ	**01/03 đến 31/12**								
1. Công trình chuyển tiếp									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
2. Công trình khởi công mới	**01/03 đến**	**3.732.500.000**	**-**	**3.732.500.000**	**-**	**884.500.000**		**884.500.000**	**-**
Trong đó: hoàn thành trong năm									
- Xây dựng nhà đa chức năng trường Tiểu học Đức An	01/03 đến 31/12	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-	350.000.000		350.000.000	
- Chi hỗ trợ xây dựng mương cứng 1,3km	01/03 đến 31/12	350.000.000		350.000.000		52.000.000		52.000.000	
-Hỗ trợ XD đường GTNT 2,1km	01/03 đến 31/12	105.000.000		105.000.000		105.000.000		105.000.000	
- Nâng cấp sửa chửa trường Mầm Non Đức Dũng	01/03 đến 31/12	277.500.000		277.500.000		277.500.000		277.500.000	
-Nâng cấp sửa chửa trụ sở Công An		100.000.000		100.000.000		100.000.000		100.000.000	
...									

Ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Thị Kiều Oanh

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch

Bùi Thị Bảy

10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	185.957		185.957	112.591		112.591	1,260		**1,260**
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	112.264		112.264	140.591		140.591	0,758		**0,758**
10.6. Hội Cựu chiến binh	150.789		150.789	153.548		153.548	0,879		**0,879**
10.7. Hội Nông dân	211.030		211.030	205.970		205.970	0,985		**0,985**
10.8. Chi hỗ trợ khác (Công đoàn, hội đặc thù)	100.000		100.000	92.000		92.000	9,725		**9,725**
11. Chi cho công tác xã hội	**1.075.189**		**1.075.189**	**1.097.251**		**1.097.251**	1,322		**1,322**
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo	672.192		672.192	672.192		672.192	1,000		**1,000**
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-		-	-		-			
- Trợ cấp xã hội	-		-	-		-			
- Khác	402.997		402.997	425.059		425.059	1,830		**1,830**
12. Chi đầu tư phát triển	**535.000**	**535.000**		**884.500**	**884.500**				
13. Dự phòng	**135.000**		**135.000**	**135.000**		**135.000**	-		-

Ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Thị Kiều Oanh

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch

Bùi Thị Bảy

Tỉnh (TP) : HÀ TĨNH
Huyện (quận, thị xã, TP): ĐỨC THỌ
Xã (phường, thị trấn) : AN DŨNG

Biểu số 105/CK TC-NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Theo nghị quyết HĐND xã)

Đơn vị: 1000đồng

Nội dung	Dự toán năm 2020			Dự toán năm 2021			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	5	6	7	2	3	4	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	**8.666.815**	**535.000**	**8.131.815**	**7.812.932**	**884.500**	**6.928.432**	1,837	**1,742**	**1,849**
1. Chi cho công tác dân quân tự về, trật tự an toàn	**984.240**		**984.240**	**947.447**		**947.447**	0,653		**0,653**
- Chi dân quân tự vệ	853.367		853.367	801.227		801.227	0,655		**0,655**
- Chi trật tự an toàn xã hội	130.873		130.873	146.220		146.220	0,636		**0,636**
2. Chi giáo dục	**20.000**		**20.000**	**20.000**		**20.000**	-		-
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				-		-			
4. Chi y tế, thú y, chữ thập đỏ	**45.378**		**45.378**	**130.444**		**130.444**	0,837		**0,837**
5. Chi văn hóa, thông tin	**5.000**		**50.000**	**10.000**		**10.000**	-		-
6. Chi phát thanh, truyền thanh				**14.304**		**14.304**	2,229		**2,229**
7. Chi thể dục, thể thao	**20.000**		**20.000**	**40.000**		**40.000**	0,159		**0,159**
8. Chi bảo vệ môi trường			-	-		-			
9. Chi các hoạt động kinh tế	**246.726**		**246.726**	**50.000**		**50.000**	8,572		**8,572**
- Giao thông			-	-		-			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			-	-		-			
- Thị chính			-	-		-			
- Thương mại, du lịch			-	-		-			
- Các hoạt động kinh tế khác	246.726		**246.726**	50.000		50.000			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	**5.555.282**		**5.555.282**	**4.483.986**		**4.483.986**	2,268		**2,268**
Trong đó: Quỹ lương	5.555.282		5.555.282	4.483.986		4.483.986			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.690.845		3.690.845	2.687.730		2.687.730	2,733		**2,733**
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	881.196		881.196	800.361		800.361	1,290		**1,290**
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội NCT	223.201		223.201	291.195		291.195	1,061		**1,061**

- Bổ sung có mục tiêu	10.814.469	10.814.469			-	-

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Thị Kiều Oanh

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Bùi Thị Bảy

Tỉnh (TP) : HÀ TĨNH
Huyện (quận, thị xã, TP): ĐỨC THỌ
Xã (phường, thị trấn) : AN DŨNG

Biểu số 104/CK TC-NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Theo nghị quyết HĐND xã)

ĐVT: 1000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	3	4	1	2	5=3/1	6=4/2
Tổng số thu	22.476.868	19.869.530	**10.610.231**	**7.812.931**	47	39
1. Các khoản thu 100%	429.133	429.133	**469.190**	**469.190**	109	109
- Phí, lệ phí	86.408	86.408	100.000	100.000	116	116
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			110.000	110.000		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	31.470	31.470				
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	32.894	32.894			-	
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu thuế SD đất PNN	510	510	500	500	98	98
- Thu khác	277.851	277.851	258.690	258.690	93	93
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.159.766	1.552.428	**4.221.000**	**1.423.700**	101	92
1. Các khoản thu phân chia			4.221.000	1.423.700		
- Thuế chuyển quyền sự dụng đất	2.271.170	1.135.585	1.815.000	884.500	80	78
- Thuế nhà đất	26.757	8.027			-	-
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	16.150	10.150	36.000	25.200	223	248
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.938	37.392	50.000	50.000	98	134
- Thu thuế tài nguyên	35.000	7.000	470.000	94.000	1.343	1.343
- Thu thuế ngoài quốc doanh HTX, cá thể	1.759.751	354.274	1.850.000	370.000	105	104
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	75.886	75.886			-	-
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**17.812.083**	**17.812.083**	**5.920.041**	**5.920.041**	33	33
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.997.614	6.997.614	5.920.041	5.920.041	85	85

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ AN DŨNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61./QĐ-UBND	*An Dũng, ngày 01 tháng 03năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết HĐND xã khóa XX kỳ họp thứ 6. ngày 21 tháng 01 năm 2021về phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Ban Tài chính – Ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND-UBND xã; Ban Tài chính ; Chủ tịch UBND xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính;
- Thường trực HĐND xã;
- Ban Kinh tế Ngân sách;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT;TC

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Thị Bảy